

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-
ST

Ngày: 04-6-2025

“V/v: Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quang
2. Ông Ngô Tấn Huy

- Thư ký phiên tòa: Chị Nguyễn Lê Nhật Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc K, sinh năm: 1984, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định – Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai Lệ Q, sinh năm: 1989, địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2025 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Mai Lệ Q có tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2011 tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Sau kết hôn, chúng tôi sinh sống tại thôn P, xã M. Cuộc sống chung chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng lục đục chuyện chưa có con cái, cứ kình cãi nói qua nói lại. Đến khoảng năm 2013, bà Q tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại huyện V. Những

năm đầu tôi cũng thường đến nhà cha mẹ bà Q để kêu bà Q về chung sống nhưng bà Q nhất quyết không chịu, lâu dần tôi cũng nản nên không qua lại gì nữa. Chúng tôi đã sống ly thân kéo dài từ năm 2013 cho đến nay, hiện cả hai không còn tình cảm vợ chồng. Nên nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn vợ tôi là bà Nguyễn Thị Mai Lệ Q.

- Về con chung: Tôi và bà Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Lệ Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Ngọc K đối với bị đơn Nguyễn Thị Mai Lệ Q, ông K được ly hôn bà Q.

- Về con chung: Không có nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Ngọc K không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc K phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Huỳnh Ngọc K khởi kiện yêu cầu: “Ly hôn” với bà Nguyễn Thị Mai Lệ Q; Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt (Nguyên đơn ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Q vắng mặt không có lý do); Áp dụng: khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông K và bà Q tự nguyện tìm hiểu,

chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2011 tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được khoảng hơn 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông K mong có con nhưng bà Q cứ chần chừ, đến khi ông K tìm hiểu biết được rằng trước khi kết hôn với ông K thì bà Q đã từng có 02 người con riêng và đã triệt sản. Thế nên vợ chồng lời qua tiếng lại, không thể dung hòa. Năm 2013, bà Q chủ động rời khỏi cuộc sống chung, ông K có níu kéo nhưng không được nên cũng buông bỏ, vợ chồng sống ly thân kéo dài từ đó cho đến nay.

Tòa án đã liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, bà Q biết nhưng bỏ mặc, không thiện chí, không hợp tác. Phía gia đình bà Q cũng cho biết vợ chồng ông K và bà Q không còn khả năng hàn gắn. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của ông K và bà Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K.

[2.2]. Về con chung: Ông K và bà Q không có con chung nên không xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Các Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc K đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Lệ Q, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc K được ly hôn bà Nguyễn Thị Mai Lệ Q;

- Về con chung: Không có nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không có yêu cầu nên không xét.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005071 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định; ĐKKH: 18/6/2011)
- P. TT, KT và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đinh Thị Mai Đào